| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG**<br>**TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: **09**/2018/QĐST-HNGĐ | *Tuyên Quang, ngày 15 tháng 01 năm 2018* |

# QUYẾT ĐỊNH
## CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 221/2017/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2017 giữa:

* *Nguyên đơn:* Anh Bùi Đức D**;** sinh năm 1982;

Nơi ĐKNKTT: Thôn Hú, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

* *Bị đơn:* Đinh Thị Hồng T; Sinh năm 1980

Nơi ĐKNKTT: Thôn Hú, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Tạm trú: Số nhà 15 ngõ Trại Gà đường L, Tổ 7 phường T , thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2018.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Đức D và chị Đinh Thị Hồng T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Giao 02 con chung Bùi Đinh Bảo N, sinh ngày 26/7/2008 và Bùi Đinh Bảo L, sinh ngày 11/6/2010 cho chị Đinh Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Bùi Đức D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đ/tháng/con cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng kể từ tháng 01/2018. Giao con chung Bùi Đức N, sinh ngày 16/10/2014

cho anh Bùi Đức D trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh D. Hai bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

- Về tài sản chung: Anh Bùi Đức D và chị Đinh Thị Hồng T tự thoả thuận chia không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về vay nợ: Chị Đinh Thị Hồng T và anh Bùi Đức D đều xác nhận vợ chồng không có vay nợ chung không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về án phí*:* Anh Bùi Đức D tự nguyện nộp toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 150.000đ. Tổng cộng là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N$^{o}$ 0004897 ngày 19/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Anh D đã nộp đủ án phí. Chị T không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".*

**Thẩm phán**

(Đã ký)

**Phạm Ngọc Hà**

**Nơi nhận**
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND thành phố TQ (2 bản);
- THADS thành phố TQ (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình (để biết);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.